

Số: 302/2020/DS-PT

Ngày: 30/7/2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Bà Hoàng Thị Thu Lan

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST, ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 319/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (*có mặt*);

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Duy Ba, sinh năm 1962 (*có mặt*);

2. Bà Ngô Thị H (tức Nguyễn Thị H), sinh năm 1960 (*có mặt*).

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy A, sinh năm 1987;

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

3. Anh Nguyễn Duy BM, sinh năm 1985;

Anh A, chị H, anh BM đều ủy quyền cho ông Nguyễn Duy Ba (*ông Ba có mặt*).

Cùng đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bố mẹ bà B là cụ Nguyễn Duy L và cụ Tạ Thị Đ sinh được 4 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Đỗ, sinh năm 1950; ông Nguyễn Duy Thịnh, sinh năm 1956; ông Nguyễn Duy Ba, sinh năm 1962 và bà là Nguyễn Thị B, sinh năm 1966. Năm 1986 thì cụ Đ mất, hiện nay cụ L đang sống với ông Thịnh. Khoảng năm 1980 thì cụ L và cụ Đ tách làm 02 hộ, gồm: Hộ cụ L gồm có cụ L, vợ chồng ông Thịnh và bà Đỗ; hộ cụ Đ gồm cụ Đ, vợ chồng ông Ba và bà B. Sau này vợ chồng ông Ba sinh được 03 người con, gồm Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1983; Nguyễn Duy Bình, sinh năm 1985 và Nguyễn Duy A, sinh năm 1987. Năm 1981 ông Ba thoát ly nên không có khẩu tại địa phương. Năm 1987-1988 thì địa phương chia đất rau xanh (đất 10%), gia đình bà B được chia theo tiêu chuẩn là 2,5 thước/1 khẩu tức là 60m²/1 khẩu tại thửa số 112, tờ bản đồ số 17, diện tích 438m², tổng gia đình bà được chia 300m²/5 khẩu, còn thừa là chia đất vườn. 5 khẩu được chia đất gồm bà H (vợ ông Ba) là chủ hộ, bà B và 3 người con của ông Ba bà H. Còn tại Công văn số 60/HC-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2009 của UBND xã Mê Linh trả lời bà là gia đình bà H được chia 240m² theo tiêu chuẩn của 4 khẩu là không đúng. Thời điểm đó gia đình ông Ba có bà H (vợ ông Ba) là chủ hộ, bà B và 3 đứa con của vợ chồng ông Ba. Gia đình bà và bà H không có thửa rau xanh nào khác, không có thửa đất rau xanh ngoài đồng nào mà chỉ được chia duy nhất là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17, diện tích 438m². Còn gia đình nhà ông Thịnh và cụ L thì có đất rau xanh ngoài đồng. Năm 1990 hộ gia đình ông Ba được hợp lý hóa 200m² thành đất thổ cư. Do vậy phần đất 10% bà được chia 60m² thì gia đình ông Ba phải trả lại cho bà, lý do đến tháng 5 năm 2004 bà mới tách khẩu ra thành hộ riêng, trước đó năm 1985, bà kết hôn nhưng không chuyển khẩu đi.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông Ba phải trả lại cho bà B 60m² đất 10% của tại thửa đất thửa số 112, tờ bản đồ số 17, diện tích 438m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Duy Ba.

Bị đơn ông Nguyễn Duy Ba và bà Ngô Thị H trình bày:

Năm 1985, bà B đi lấy chồng đến năm 1987 thì bỏ chồng sau đó bà B cùng con nhỏ quay về nhà ông Ba ở nhờ. Năm 1988, bà B sang ở nhà anh trai là ông Nguyễn Duy Thịnh, đến năm 1989 bà B lại về nhà ông Ba ở. Năm 1990 bà B lấy ông Nguyễn Duy Bình nhưng vẫn ở nhà của ông Ba; năm 1991 vợ chồng bà B làm nhà trên đất ao của cụ Nguyễn Duy L. Kể từ năm 1991, bà B tách khỏi hộ gia đình ông Ba bà H. Còn phần đất ông Ba đang ở có nguồn gốc là đất rau xanh của vợ chồng ông Ba và của gia đình gồm: cụ Nguyễn Duy L, cụ Tạ Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đỗ, ông Nguyễn Duy Thịnh và bà Nguyễn Thị Đức. Bản thân ông Ba sinh năm 1962 không được tiêu chuẩn cấp loại đất này vì sinh sau năm 1960. Năm 1981 ông Ba xây dựng gia đình, về mảnh đất này và làm nhà trên đất có tổng diện tích 438m². Đến năm 1990 được nhà nước hợp lý hóa 200m² đất thổ cư, còn lại 238m² đất vườn. Đến năm 1993, khi luật đất đai có hiệu lực, chính quyền địa phương căn cứ hồ sơ cấp đất, tại thời điểm chia đất rau xanh 10% thì hộ gia đình ông có 4 khẩu được chia gồm: Vợ ông là Nguyễn Thị H, cùng các con là Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Duy Bình và Nguyễn Duy A. Chính quyền đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên (thửa số 112, tờ bản đồ 17) cho gia đình ông. Bà B chưa bao giờ có tên trong sổ hộ khẩu gia đình nhà ông. Nếu bà B có tên thì vợ chồng ông hoàn toàn nhất trí trả lại đất rau xanh cho bà B.

Sau khi bà B gửi đơn ra Ủy ban nhân dân xã đòi gia đình ông Ba phải trả lại đất rau xanh 60m². Năm 2009 UBND xã Mê Linh đã có Công văn số 60/HC-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2009 trả lời bà B không có tên trong hộ khẩu của gia đình ông. Như vậy khi chia đất 10% thì bà B không có tên trong tiêu chuẩn được chia, do vậy UBND huyện Mê Linh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông vào ngày 15 tháng 3 năm 1999. Nay bà B khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải trả lại cho bà B 60m² đất rau xanh thì ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Duy A, anh Nguyễn Duy Bình và chị Nguyễn Thị Hà đều ủy quyền cho ông Ba và hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Ba, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập bà Nguyễn Thị Đỗ (chị của ông Ba và bà B) với tư cách là người làm chứng, bà Đỗ trình bày:

Bà nhất trí với ý kiến của bà B trình bày về quan hệ huyết thống trong gia đình.

Từ năm 1980, gia đình bà tách thành hai hộ riêng biệt. Cụ Nguyễn Duy L, ông Nguyễn Duy Thịnh cùng vợ con và bà Đỗ thành một hộ. Cụ Tạ Thị Đ, ông Nguyễn Duy Ba và vợ con cùng bà Nguyễn Thị B thành một hộ. Năm 1987 Nhà nước điều chỉnh lại đất rau xanh, bà Đỗ ở cùng với bố là cụ L không liên quan gì đến hộ của bà Ngô Thị H (mẹ bà là cụ Đ đã chết từ năm 1986, trước khi chia lại đất). Năm 1981 ông Ba đi học nên đã cắt hộ khẩu khỏi địa phương, nhập hộ khẩu về lại lúc nào bà không biết. Năm 1987, hộ khẩu của B ở đâu bà Đỗ cũng không biết, đề nghị Tòa án xác minh. Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17 tại xóm Ao Sen đã được chia lại thành đất rau xanh cho hộ bà H từ năm 1987 nên gia đình bà Đỗ không còn liên quan gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST, ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.
2. Buộc hộ ông Nguyễn Duy Ba và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị B 60m² đất vườn (10%, CM) (có sơ đồ kèm theo, được giới hạn bởi các điểm F,M,L,G,F, có ký hiệu A1) tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17 xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.
3. Kiến nghị UBND huyện Mê Linh thu hồi điều chỉnh lại diện tích đất vườn (CM) tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17 xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thành phố Hà Nội) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N952671 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Ba cấp ngày 15/3/1999; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001082 QSDĐ/24-H-1999.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2019, ông Ba kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đảm Ba quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị giữ nguyên.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích và đánh giá về quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được xác định, tại thời điểm chia đất năm 1987 - 1988 bà B có tên trong hộ khẩu của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H nên bà B được chia đất theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là có cơ sở, do vậy kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Duy Ba là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bị đơn - ông Nguyễn Duy Ba kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

2. Về Nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc thừa đất tranh chấp và cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ:

Thừa đất số 112, tờ bản đồ số 17, diện tích 438m², tại địa chỉ xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N952671, Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh cấp cho hộ ông Nguyễn Duy Ba ngày 15/3/1999; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001082 QSDĐ/24-H-1999 có nguồn gốc là loại đất rau xanh của hộ cụ Nguyễn Duy L (bố đẻ của bà B, ông Ba).

Theo sổ hộ khẩu năm 1979, hộ gia đình cụ Nguyễn Duy L gồm có: cụ Nguyễn Duy L, sinh năm 1922; cụ Tạ Thị Đ, sinh năm 1923; Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950 (con); Nguyễn Thị Lai, sinh năm 1957 (con dâu); Nguyễn Duy Ba, sinh năm 1962 (con); Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (con); Nguyễn Duy Thịnh (con). Năm 1980 gia đình tách hộ khẩu thành 2 hộ gồm: hộ cụ Nguyễn Duy L gồm cụ Nguyễn Duy L, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy Thịnh, bà Nguyễn Thị Lai. Hộ cụ Tạ Thị Đ gồm cụ Tạ Thị Đ, ông Nguyễn Duy Ba cùng vợ là bà Ngô Thị H và bà Nguyễn Thị B.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại Công an xã Mê Linh

và được cung cấp, theo sổ hộ khẩu từ năm 1979 đến năm 1991 Công an lưu giữ, hộ gia đình bà Nguyễn Thị H gồm có những nhân khẩu: Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (chủ hộ); Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (em); Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1983 (con); Nguyễn Duy Bình, sinh năm 1985 (con); Nguyễn Duy A, sinh năm 1987 (con).

Cụ Tạ Thị Đ chết năm 1986. Ông Nguyễn Duy Ba cắt hộ khẩu đi học từ năm 1981 đến tháng 7/2005 mới nhập khẩu về.

Tại đơn đề nghị của bà B ngày 20/12/2017, Ủy ban nhân dân xã Mê Linh xác nhận: *Căn cứ nội dung đơn trình bày của bà Nguyễn Thị B và kiểm tra hồ sơ hộ khẩu đang được lưu trữ tại Công an xã thì nhân khẩu của bà B tại thời điểm năm 1987 - 1988 nằm trong hộ khẩu bà Nguyễn Thị H là chủ hộ (mối quan hệ với chủ hộ là em) sau đó được tách hộ khẩu ra từ tháng 5/2004.*

Tại Biên bản xác minh ngày 22/2/2019, Ủy ban nhân dân xã Mê Linh cung cấp thông tin phù hợp với Công an xã Mê Linh, cụ thể, thời điểm điều chỉnh ruộng đất 5% thành đất 10% năm 1987 - 1988 cho hộ gia đình bà H gồm 5 nhân khẩu như nêu ở trên (bà H, bà B và 3 con của bà H là Hà, Bình, An), 5 nhân khẩu này được giao 438m² đất tại thửa 112 tờ bản đồ số 17. Ngoài thửa đất này thì các nhân khẩu nêu trên không được chia đất 10% tại bất cứ thửa đất nào khác.

Như vậy có căn cứ xác định, tại thời điểm chia lại đất 10% theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993. Năm 1987-1988, hộ gia đình bà H có 5 nhân khẩu gồm bà H, bà B và 3 con của bà H là Hà, Bình, An (như đã nêu trên). Thửa đất tranh chấp là đất chuyên màu (rau xanh), năm 1987 chia lại ruộng đất chuyển đổi thành đất 10% của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, mỗi nhân khẩu được chia 60m², hộ nào đang sử dụng đủ và thừa thì không rút ra, thiếu thì sẽ được chia thêm. Khi đó hộ gia đình bà H có 5 nhân khẩu đang sử dụng 438m², mặc dù thừa nhưng không bị rút ra. Ngoài thửa đất này thì các nhân khẩu thuộc hộ bà H không được chia đất 10% ở bất kỳ chỗ nào khác.

Năm 1990 hộ gia đình bà H làm đơn xin hợp thức thửa đất thành đất ở, đến năm 1999 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Duy Ba. Tuy nhiên theo xác minh nêu trên thì tại thời điểm chia đất 10%, ông Nguyễn Duy Ba đã cắt hộ khẩu đi học từ tháng 12 năm 1981 đến tháng 7/2005 mới nhập khẩu về địa phương. Khi làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B vẫn là một nhân khẩu có tên trong hộ gia đình bà H. Năm 2004 thì bà B mới tách khẩu ra khỏi hộ gia đình bà H.

Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17, có diện tích 438m² được chuyển đổi 200m² đất ở, còn lại 238m² đất vườn (CM). Nay bà B khởi kiện yêu cầu đòi lại phần diện

tích đất 60m² đất vườn (CM) theo tiêu chuẩn của bà B được cấp năm 1987 - 1988 là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là phù hợp với quy định của pháp luật, trên cơ sở đó hộ gia đình ông Ba bà H phải trả lại tiêu chuẩn đất được cấp cho bà B là 60m² như đã phân tích ở nội dung nêu trên.

Tuy nhiên quá trình Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đo vẽ thẩm định thực tế thể hiện, khi cấp đất ở cho hộ ông Ba, UBND huyện Mê Linh chỉ cấp theo hạn mức mà không chỉ rõ phần nào là đất ở, phần nào là đất vườn nên gia đình ông Ba bà H đã làm nhà trải dài trên diện tích đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất có diện tích 438m² nhưng thực tế hiện trạng đo vẽ chỉ còn 414,7m² (thiếu 23,3m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Do vậy khi chia đất cần xác định phần diện tích đất thiếu phải được trừ đều vào cả phần diện tích đất vườn và diện tích đất ở. Tuy nhiên hộ gia đình ông Ba đã chuyển đổi 200m² đất vườn thành đất ở nên phần diện tích đất này được giữ nguyên. Phần diện tích đất vườn còn thiếu chỉ bị tính bằng ½ của 23,3m² (là 11,65m²), phần diện tích đất này phải bị chia đều cho 5 nhân khẩu, mỗi người bị trừ 2,33m². Như vậy phần đất của bà B chỉ còn lại 57,67m² là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho những thành viên khác trong hộ gia đình được chia đất. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã đo vẽ và chia cho bà B đủ 60m², xét thấy, diện tích đất của bà B được chia chênh lệch không nhiều, đất vườn có giá trị thấp hơn đất ở (1.000.000đồng/m²), trên cơ sở đó Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên phần diện tích Tòa án cấp sơ thẩm đã chia (có sơ đồ đo vẽ kèm theo) cho bà B. Bà B có nghĩa vụ thanh toán số tiền tương đương 2.330.000đồng cho gia đình ông Ba và bà H. Phần diện tích đất chia cho bà B được giới hạn bởi các điểm F',M,L,G,F', (có ký hiệu A1) tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17 xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Kiến nghị UBND huyện Mê Linh thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Duy Ba để điều chỉnh lại diện tích đất vườn (cm) của hộ ông Ba và bà B theo quyết định của bản án.

Đối với bà Ngô Thị H còn có họ tên khác là Nguyễn Thị H. Theo Biên bản xác minh ngày 21/10/2019 tại Công an xã Mê Linh thể hiện, bà Ngô Thị H và Nguyễn Thị H sinh năm 1960 là một người (là vợ của ông Nguyễn Duy Ba), có hộ khẩu thường trú tại xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, Mê Linh, Hà Nội

Những phân tích nêu trên cũng là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Duy Ba.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

3. *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận nên bị đơn ông Ba và bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kháng cáo của ông Ba không được chấp nhận nên ông Ba phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 115, 166, 189, 274 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 1987; Luật đất đai năm 1993; Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST, ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về đòi quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Nguyễn Duy Ba và bà Ngô Thị H (tức bà Nguyễn Thị H).

2. Buộc hộ ông Nguyễn Duy Ba và bà Ngô Thị H (tức Nguyễn Thị H) phải trả cho bà Nguyễn Thị B 60m² đất vườn (10%, CM) (*có sơ đồ kèm theo, được giới hạn bởi các điểm F', M, L, G, F', có ký hiệu A1*) tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17 xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh thu hồi và điều chỉnh lại diện tích đất vườn (CM) (*sau khi chia lại cho bà B*), tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 17 xóm Ao Sen, thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N952671 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Ba cấp ngày 15/3/1999; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001082 QSĐĐ/24-H-1999.

Ông Nguyễn Duy Ba và bà Nguyễn Thị B có quyền đơn phương đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần diện tích đã được chia theo quyết định của bản án.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Duy Ba và bà Ngô Thị H phải chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0009267 ngày 21/11/2019 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Số tiền án phí còn phải nộp là 3000.000đồng (ba triệu đồng).

Hoàn trả bà B 700.000đồng (bảy trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0016519 ngày 28/5/2018 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Mê Linh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- Lu Hồ sơ vụ án; VP.

Trần Thị Thu Nam